

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ: HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI VÀO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP TPP, AEC.

ThS. Nguyễn Thị Hồng Sương
Khoa Kế toán – Đại học Duy Tân Đà Nẵng

TÓM TẮT:

Thời gian gần đây kế toán quản trị (KTQT) đã khẳng định được vai trò quan trọng tổ chức kinh tế nói chung và trong doanh nghiệp (DN) sản xuất kinh doanh nói riêng. KTQT một công cụ đắc lực và hữu ích đối với nhà quản lý tại các DN. Tại Việt Nam, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 53/2006/TT-BTC ngày 12/06/2006 về việc hướng dẫn áp dụng KTQT trong DN. Tuy nhiên đây chỉ là văn bản hướng dẫn không mang tính bắt buộc nên thực tế việc áp dụng công tác KTQT của các DN ở nước ta còn khá nhiều hạn chế, cần phải được nghiên cứu và áp dụng. Đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tham gia vào Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC),...phải chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Để cạnh tranh được, các DN Việt Nam cần phải tìm được một hướng đi hợp lý để tồn tại và phát triển. Bài viết này đi sâu phân tích hiện trạng và định hướng triển khai KTQT trong các DN Việt Nam trong thời gian sắp đến, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tham gia vào TPP, AEC.

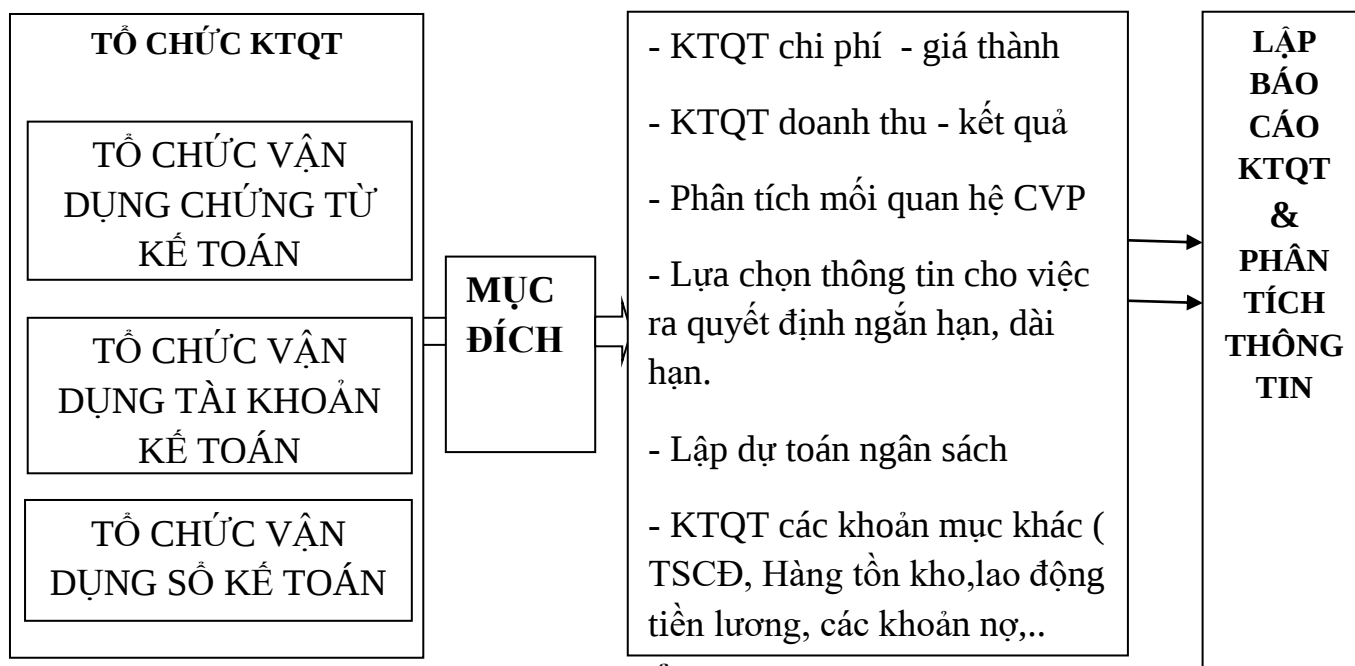
Từ khóa: Kế toán quản trị, doanh nghiệp, hiện trạng, định hướng triển khai

1. Đặt vấn đề

Về lý thuyết, bức tranh hội nhập là khá thuận lợi. Trên thực tế các DN Việt Nam hiện nay vẫn chưa có sự chuẩn bị gì. Tầm nhìn và chiến lược phát triển của DN trong bối cảnh hội nhập TPP, AEC còn hạn chế. Nguyên nhân cốt lõi đó là sự bất cập trong tư duy lẫn nhận thức về vai trò của KTQT trong DN. Hiện nay, đa số DN của Việt Nam là DN nhỏ, năng lực cạnh tranh hạn chế, bước vào "sân chơi" TPP và AEC, các DN Việt Nam đôi mặt không ít khó khăn, thách thức khi không áp dụng KTQT vào quản lý và điều hành DN. Các nhà quản trị DN phải tham khảo các văn bản, nghiên cứu kỹ thông tư về KTQT, phải làm chủ thông tin, phải có tầm nhìn và chiến lược rõ ràng, nhằm giúp DN Việt Nam lường trước được rủi ro. Đó cũng là cách mà các DN Việt Nam đôi phó khi tham gia TPP và AEC. Tác giả tập trung vào hai vấn đề cơ bản: Hiện trạng áp dụng KTQT trong DN Việt Nam, định hướng triển khai KTQT trong các DN Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

2. Nội dung KTQT

KTQT có nội dung rất rộng^[1], nội dung cơ bản được lượng hóa như sau:



Hình 1 – Tổ chức KTQT trong DN

Như vậy, thông tin của KTQT không chỉ là thông tin quá khứ, thông tin thực hiện mà còn bao gồm các thông tin về tương lai (kế hoạch, dự toán...).

3. Hiện trạng áp dụng KTQT trong các DN Việt Nam

Tại nhiều quốc gia, áp dụng KTQT trong DN không hề mới, nhưng tại Việt Nam thực sự chỉ được tìm hiểu vào đầu những năm 90 và được nghiên cứu có hệ thống từ năm 1999. KTQT được coi là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường bởi tính linh hoạt và kịp thời của thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ DN. Hiện trạng việc áp dụng KTQT trong các DN Việt Nam còn nhiều hạn chế cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, Về mặt pháp lý, thuật ngữ “KTQT” cũng chỉ vừa được công nhận trong Luật kế toán Việt Nam ban hành ngày 17/06/2003. “KTQT là việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin tài chính theo yêu cầu và quyết định kế toán trong nội bộ đơn vị kế toán” (Luật Kế toán Việt Nam - điều 3, khoản 4). Vào ngày 12/06/2006, Thông tư số 53/2006/TT-BTC của Bộ Tài Chính về hướng dẫn áp dụng KTQT trong DN chính thức được ra đời nhằm hướng dẫn cho các DN thực hiện KTQT^[1]. Đến nay, số lượng các DN Việt Nam càng ngày càng tăng, điều đó có nghĩa sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đòi hỏi các DN phải có các chiến lược, có giải pháp hiệu quả. Phần lớn các DN điều biết Thông tư 53/2006/TT-BTC về việc áp dụng KTQT. Tuy nhiên, quy mô DN Việt Nam đa phần là vừa và nhỏ nên chưa quan tâm đến việc tổ chức công tác KTQT. Như vậy, đại đa số các DN vẫn chưa quan tâm thỏa đáng đến một văn bản có ý nghĩa đầu tiên hướng dẫn các DN áp dụng KTQT. Các DN chỉ quan tâm đến KTTC mà không hề biết vai trò mà KTQT mang lại trong điều hành DN..

- *Thứ hai*, Mặc dù Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 53/2006/TT-BTC về áp dụng KTQT vào DN nhưng chỉ mang tính hướng dẫn chứ không bắt buộc nên đa phần DN vừa và nhỏ không áp dụng KTQT, thậm chí những DN có quy mô lớn

nhưng vẫn chưa áp dụng. Khi được hỏi vai trò của KTQT trong DN thì một số ý kiến của nhà quản lý DN cũng đồng ý KTQT là nguồn chủ yếu để cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị trong phân tích, xử lý, lựa chọn phương án kinh doanh và ra các quyết định kinh doanh. Tuy nhiên, cũng một số ý kiến cho rằng KTQT không thực sự cần thiết vì đã có kế toán tài chính (KTTC).

- *Thứ ba, Phần nhỏ mà các DN đã áp dụng KTQT thì chỉ mới áp dụng sơ khai, đơn giản chỉ là sự kết hợp giữa KTTC và KTQT, KTQT chỉ là chi tiết hóa số liệu của KTTC.* Các DN chưa khai thác triệt để công cụ KTQT vào DN. Bên cạnh đó, các nhà quản trị DN còn lúng túng khi nghiên cứu nội dung KTQT để áp dụng thực tế vào DN. Điều đó, đòi hỏi các nhà quản trị DN phải có đủ chuyên môn và kinh nghiệm chuyên tư vấn xây dựng hệ thống KTQT. Để đáp ứng được yêu cầu trên thì bắt buộc các nhà quản trị DN phải bỏ ra khoản phí để đào tạo nhân viên KTQT và các chi phí khác phục vụ cho việc áp dụng KTQT vào DN. Tuy nhiên, các nhà quản trị DN luôn cân nhắc giữa chi phí đầu tư và hiệu quả mang lại của công tác KTQT. Đó là một trong những trở ngại lớn mà hầu hết các DN Việt Nam chưa muốn áp dụng KTQT vào DN.

- *Thứ tư, Về mô hình tổ chức bộ máy kế toán*

Hiện nay các DN chỉ tổ chức bộ máy kế toán tài chính (KTTC), còn bộ máy KTQT chưa được quan tâm và đầu tư. Nhân viên kế toán hầu hết chỉ có kinh nghiệm về KTTC, còn kiến thức về KTQT chưa được đào tạo bài bản nên khó thực hiện các công việc của KTQT.

- *Thứ năm, về phân loại chi phí trong DN*

Hầu hết các DN chỉ mới phân loại chi phí chủ yếu theo nội dung kinh tế hay theo mục đích của chi phí phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, chứ không phân loại chi phí phục vụ cho KTQT (phân loại theo cách ứng xử). Từ đó, việc ra quyết định gặp nhiều khó khăn và dẫn đến sai lầm.

- *Thứ sáu, về lập báo cáo KTQT*

Việc lập báo cáo KTQT đã được các DN quan tâm, tuy nhiên chỉ mới ở mức độ ít và sơ sài. Các DN lập báo cáo hầu hết là các báo cáo phục vụ cho KTTC cung cấp thông tin cho các đối tượng bên ngoài, chưa chú trọng đến việc lập báo cáo KTQT phục vụ cho nhà quản trị DN. Ngoài ra, các DN chỉ mới sử dụng các chứng từ mang tính bắt buộc, chưa thiết kế hay xây dựng các biểu mẫu chứng từ phù hợp với KTQT. Tài khoản theo dõi chi tiết chưa phù hợp với việc phân tích chi phí theo biến phí, định phí và phục vụ cho việc phân tích chênh lệch chi phí định mức và thực tế.

- *Thứ bảy, về phân tích mối quan hệ chi phí, khối lượng và lợi nhuận*

Việc phân tích chi phí, khối lượng và lợi nhuận trong DN chủ yếu phục vụ cho quản lý chi phí, lợi nhuận theo cơ chế tài chính chứ không đánh giá mối quan hệ giữa các nhân tố giá bán, khối lượng (mức độ hoạt động), chi phí (biến phí, định phí) và lợi nhuận thông qua các chỉ tiêu như: số dư đảm phí, tỷ lệ số dư đảm phí, tỷ lệ biến phí, đòn bẩy kinh doanh, điểm hòa vốn nhằm phục vụ cho việc đưa ra các quyết định về sản xuất kinh doanh, lựa chọn các phương án kinh doanh tối ưu, định giá bán trong trường hợp đặc biệt, xây dựng định mức chi phí,....

- *Thứ tám, về công tác lập dự toán*

Công tác lập dự toán tại các DN đều do bộ phận KTTC lập và chỉ lập một số dự toán cơ bản phục vụ cho việc lập dự toán tài chính, còn các dự toán tác nghiệp và dự toán báo cáo tài chính,... chưa được đề cập đến. Bên cạnh đó, việc phân loại chi phí theo yếu tố chi phí, theo khoản mục chi phí không phân loại chi phí theo cách ứng xử (tách chi phí ra thành biến phí và định phí) dẫn đến việc lập dự toán sản xuất kinh doanh không khả thi.

Nói chung các DN Việt Nam việc tổ chức KTQT vẫn còn sơ khai hoặc chỉ dừng lại ở mức độ tự xây dựng, chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin cho nhà quản trị DN ra quyết định.

4. Định hướng triển khai KTQT trong các DN Việt Nam trong bối cảnh hội nhập TPP và AEC.

KTQT hiện đang phát triển và phổ biến ở một số nước trên thế giới (Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, ...) nhưng còn quá mờ nhạt ở Việt Nam. Xuất phát từ hiện trạng trên để KTQT vận hành được trong các DN Việt Nam cần rất sự phối hợp giữa Nhà nước, các đơn vị đào tạo, nghiên cứu KTQT và DN.

(1) Về phía Nhà nước và Hội nghề nghiệp

- Nghiên cứu việc sửa đổi và hoàn thiện hệ thống các văn bản có liên quan đến việc áp dụng KTQT trong DN, chí ít là áp dụng đối với các DN đặc thù. Nhà nước cần tạo hành lang pháp lý để thể hiện rõ ràng hơn quan điểm của Nhà nước về KTQT nhằm hỗ trợ, định hướng phát triển KTQT.

Hiện tại, văn bản pháp lý về KTQT mới chỉ dừng lại ở Luật kế toán năm 2003 với việc đưa ra khái niệm KTQT và Thông tư 53/2006/TTBTC hướng dẫn KTQT cho các DN. Tuy nhiên, Thông tư còn nghiêng về chi tiết hóa cho KTTC hơn là phát triển KTQT ở các DN theo đúng bản chất của nó. Vì thế, để KTQT ở các DN nói chung và các DN vừa và nhỏ nói riêng phát triển thì Nhà nước và Hội nghề nghiệp cần tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn nhằm giúp các DN xây dựng KTQT phù hợp, hữu ích cho hoạt động của DN.

- Nhà nước cần phải chủ trì và tổ chức nhiều buổi đối thoại, tổ chức các hội thảo chuyên ngành với DN nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhà quản trị DN đối với việc áp dụng công tác KTQT^[2]. Nhà Nước cần có những định hướng, xây dựng phát triển các chương trình đào tạo cụ thể về KTQT phù hợp với từng ngành kinh doanh, từng mô hình kinh doanh và hiệu quả khi áp dụng KTQT vào DN để giúp các DN nhận thức rõ ràng hơn về việc áp dụng KTQT.

- Tăng cường sự hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp quốc tế về KTQT, nghiên cứu thành lập các Dự án phát triển hệ thống KTQT tại Việt Nam, hình thành các sản phẩm hướng dẫn cụ thể hơn cho DN áp dụng. Với tiềm lực về tài chính, về quan hệ đối ngoại cùng với sức mạnh của Bộ tài chính, Nhà nước có thể tiếp cận, hỗ trợ tài chính cho các DN tiếp cận, học hỏi, nhận chuyển giao thành tựu KTQT ở các quốc gia có KTQT phát triển như Mỹ, Pháp.... Hướng dẫn, phân loại, chuyển giao về các nhóm DN, các loại hình DN có tính tương đồng và phù hợp để thành lập các dự án phát triển KTQT tại Việt Nam.

(2) Về phía các Tổ chức đào tạo

- Các Trường đại học - cao đẳng sớm đổi mới, hoàn thiện chương trình đào tạo KTQT để giúp sinh viên hiểu đúng nghĩa của KTQT, tránh nhầm lẫn giữa KTQT với kế toán chi tiết. Khi về DN họ không chỉ biết ghi sổ sách, lập báo cáo tài chính mà còn là những chuyên gia tư vấn, tham gia xây dựng chiến lược cho DN.

- Thực hiện phương châm đào tạo gắn liền với thực tiễn, các nơi đào tạo nên tổ chức các buổi Hội thảo về KTQT có sự tham gia của một số lãnh đạo DN. Hội thảo sẽ giúp nhà quản trị DN hiểu rõ hơn về hành lang pháp lý về KTQT và về phía DN chia sẻ những vướng mắc hay khó khăn mà DN đang gặp phải khi áp dụng KTQT vào DN.

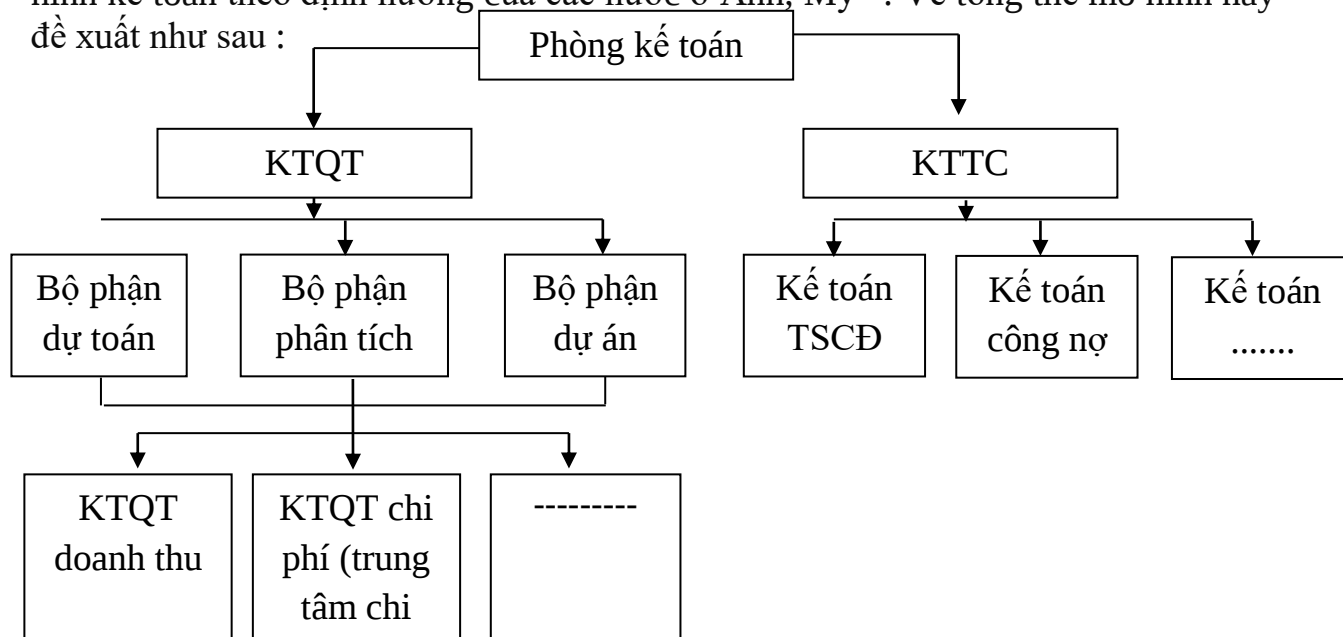
(3) Về phía các nhà quản lý của DN

- Nhà quản trị DN phải cần thay đổi cách nhìn nhận về KTQT. Căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh để sắp xếp, tổ chức và xây dựng mô hình KTQT cho phù hợp với DN. Cần chủ động tạo ra một môi trường KTQT.

- Nhà quản trị DN tham khảo mô hình KTQT của các quốc gia phát triển trên thế giới, chẳng hạn mô hình KTQT ở Anh, Pháp và Mỹ.

Mô hình KTQT ở Anh, Mỹ	Mô hình KTQT ở Pháp
- Mô hình kế toán động, KTTC và KTQT được tổ chức kết hợp với nhau. - KTQT luôn được nhận thức là một bộ phận chuyên môn (có thể thuộc kế toán hoặc thuộc ban giám đốc)	- Mô hình kế toán tĩnh KTTC và KTQT được tổ chức tách rời nhau, độc lập tương đối. - KTQT là bộ phận riêng biệt nhưng vẫn nằm trong bộ máy kế toán của DN.

Với trình độ tổ chức và quản lý còn yếu, các DN Việt Nam nên xây dựng mô hình kế toán theo định hướng của các nước ở Anh, Mỹ^[3]. Về tổng thể mô hình này đề xuất như sau :



Hình 2 – Mô hình KTQT của DN

- Nhà quản trị DN cần học hỏi kinh nghiệm KTQT hiện đại từ các DN ở các nước phát triển thông qua việc hợp tác và đào tạo về KTQT để ứng dụng vào DN

Việt Nam trong thời gian sớm nhất. Chẳng hạn, có chính sách đào tạo cũng như bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về KTQT cho đội ngũ nhân viên kế toán của DN thích ứng với yêu cầu của hệ thống bộ máy kế toán mới.

- DN cần xây dựng hệ thống KTQT : hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo KTQT cho phù hợp với công tác quản lý và đặc điểm sản xuất kinh doanh riêng của DN, dựa trên các mô hình KTQT đã được áp dụng của các DN trong và ngoài nước. Xây dựng hệ thống KTQT có thể mô tả như sau:



uy tín.

5. Kết luận

KTQT nhằm cung cấp thông tin định hướng cho các quyết định quản trị. Vì vậy, các nhà quản trị trong DN Việt Nam cần nhận thức rõ vai trò quan trọng của KTQT. Có thể nói xu hướng hội nhập hiện nay, nếu DN Việt Nam không áp dụng KTQT thì sẽ thiếu thông tin có tính định hướng trong việc ra các quyết định kinh doanh, dẫn đến các quyết định đó có thể dẫn đến sai lầm. Chính vì vậy, các DN Việt Nam nên học hỏi kinh nghiệm KTQT hiện đại của các nước phát triển thông qua việc tăng cường hợp tác và đào tạo về KTQT để sớm áp dụng vào DN mình. Nhà quản trị DN phải là người đi đầu nhận thức về vai trò, nội dung của KTQT, là người chèo lái, dẫn dắt các bộ phận trong DN áp dụng KTQT.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ tài chính (2006), Thông tư 53/2006/TT-BTC “ Hướng dẫn áp dụng KTQT trong các DN”.

[2] TS. Bùi Công Khánh, Tạp chí kế toán và kiểm toán số 12.2012

[3] PGS.TS. Phạm Văn Dược - TS. Huỳnh Lợi (2009), Mô hình và cơ chế vận hành KTQT, NXB tài chính